

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên trường:** TRƯỜNG MẦM NON PHÚ THÀNH A.
2. **Địa chỉ:** Ấp Long Phú A, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Số điện thoại: 0277 987668.
- Địa chỉ thư điện tử: mnphuthanha.tamnong@dongthap.edu.vn
- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: <http://mnphuthanha.pgdtamnong.edu.vn>
- Website: <http://mnphuthanha.pgdtamnong.edu.vn>

3. **Loại hình của cơ sở giáo dục:** Đơn vị sự nghiệp công lập.

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường**

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường giáo dục có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân. Xây dựng trường học có tính kỷ luật lao động cao, biết đoàn kết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

4.2. Tầm nhìn

Trường mầm non Phú Thành A phấn đấu là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ đảm bảo cho giáo viên và trẻ. Là nơi được các bậc cha mẹ trẻ tin tưởng gửi con em vào học tập, trẻ có những kỹ năng cơ bản bước vào lớp Một.

4.3. Mục tiêu

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.
- Phấn đấu đến năm 2030, Trường mầm non Phú Thành A nằm trong nhóm những trường mầm non có chất lượng cao của huyện.

5. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non Phú Thành A được thành lập từ tháng 9 năm 1987 trên cơ sở của một tổ mẫu giáo trực thuộc trường Tiểu học Phú Thành A với 3 lớp/72 học sinh, tính đến nay được 33 năm, khi mới thành lập trường có tên là Trường Mầm non Phú Thành. Đến năm 1995 trường được đổi tên là Trường mẫu giáo Phú Thành A theo quyết định số 22/QĐ - TL ngày 03 tháng 03 năm 1995. Đến năm 2008 trường mẫu giáo Phú Thành A được đổi tên là Trường Mầm non Phú Thành A theo quyết định số 43/QĐ.UBND-NV ngày 19 tháng 02 năm 2008. Tháng 10/2008 trường được xây dựng mới. Sau 32 năm thành lập, Trường Mầm non Phú Thành A đã từng bước trưởng thành và phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, UBND huyện, Đảng ủy - UBND xã Phú Thành A. Đặc biệt nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng GDĐT huyện Tam Nông với sự quan tâm kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ trẻ em cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường nên công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từng bước được nâng cao. Đến nay trường thuộc hạng I gồm 12 lớp với 412 trẻ; toàn trường có 33 người, trong đó cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 21, nhân viên: 09. Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt trên chuẩn cao. Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, luôn cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hồng.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Long Phú A, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
- Số điện thoại: 0797927717.
- Địa chỉ thư điện tử: ngoochng1972@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 162/QĐ-PGDĐT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Trường phòng Giáo dục Đào tạo (GDĐT) huyện Tam Nông về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường mầm non Phú Thành A, nhiệm kỳ 2021- 2026.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong hội đồng trường
1	Nguyễn Ngọc Hồng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Lưu Thị Ngọc Giếng	Chủ tịch công đoàn	Thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong hội đồng trường
3	Nguyễn Thị Ngọc Sen	P. hiệu trưởng	Thành viên
4	Ngô Thị Thu Trang	Bí thư chi đoàn	Thành viên
5	Trần Thị Bé Thuận	Tổ trưởng tổ Lá	Thành viên
6	Nguyễn Thị Ghi Na	Tổ phó tổ Lá	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thu Thủy	Tổ trưởng NT-M-C	Thành viên
8	Huỳnh Hoa	Tổ phó tổ NT-M-C	Thành viên
9	Lư Thanh Trường	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
10	Nông Tương Hiển Vi	Trưởng BDD CMTE của trường	Thành viên

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường;

- Quyết định số 966/QĐ-UBND-TTCB ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Trưởng UBND huyện Tam Nông về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Thành A.

- Quyết định số 665/QĐ-UBND-TTCB ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Trưởng UBND huyện Tam Nông về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Thành A.

- Quyết định số 760/QĐ-UBND-TTCB ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Tam Nông về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Thành A.

c) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Email - Điện thoại
1	Nguyễn Ngọc Hồng	Hiệu trưởng	ngoohng1972@gmail.com 0797927717
2	Lưu Thị Ngọc Giếng	Phó Hiệu trưởng	ngocgieng1980@gmail.com 0988295403

3	Nguyễn Thị Ngọc Sen	Phó Hiệu trưởng	tngocsen.phutho@gmail.com 0868526523
---	---------------------	-----------------	----------------------------------------------------------------------------------------

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ.

Kế hoạch chiến lược; quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; quy định quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; các kế hoạch triển khai thực hiện công tác giáo dục đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: <http://mnphutho.pgdtaimnong.edu.vn>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp	
			ThS	ĐH	CĐ	TC	Khác	Tốt	Khá
1	Cán bộ quản lý	3							
1.1	Hiệu trưởng	1		1					
1.2	Phó hiệu trưởng	2		2					
2	Giáo viên	21		19	02				
3	Nhân viên	9							
1	Văn thư - Thủ quỹ								
2	NV Kế toán	1			1				
3	NV Y tế	1				1			
4	NV Thư viện	1					1		
5	NV Bảo vệ	1					1		
6	NV Phục vụ	1					1		
7	NV Nấu ăn	4							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn cho trẻ đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26/5/2020. Các lớp học sạch sẽ,

trang trí sáng đẹp có đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học đạt trên 90% đồ dùng theo danh mục tối thiểu, có đủ nhà vệ sinh phục vụ.

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	0	0	
1	Phòng kiên cố	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	5	5	
1	Phòng kiên cố	5	5	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	0	0	
V	Khối phụ trợ	1	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	
Cộng		19	19	

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12/12 lớp	Số bộ/nhóm (lớp)

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
1	Tổng số đồ chơi ngoài trời	01/3	Số bộ/sân chơi (trường)			
2	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	05				
3	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	12/12 lớp	Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	...					
		Số lượng(m ²)				
4	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	03	09	0,23	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		03		0,23	

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	

XVI	Tường rào xây	x	
..		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường có thực hiện tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến hàng năm theo quy định.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Chưa thực hiện được do trường mặt bằng đất không có.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

1. Tổng số trẻ em: 432; tổng số nhóm, lớp: 12; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp: 36 nhóm, lớp.

2. Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có): 76/42.

3. Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 92/56.

4. Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 340.

5. Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 432.

6. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: 157/157 trẻ, tỷ lệ đạt 100%. Xã Phú Thành A được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp công nhận duy trì đạt chuẩn Phổ cập trẻ em 5 tuổi vào tháng 12/2024 (Quyết định số 1458/QĐ-UBND-HC ngày 06/12/2023)

7. Số trẻ em khuyết tật: 0

8. Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe

- Nhà trường có phân công nhân viên phụ trách y tế trường học thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Thực hiện nghiêm túc Công văn số 97/UBND-THVX ngày 08 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp về tăng cường công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Công văn số 384/UBND-VX ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc tăng cường công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn

cho trẻ em tại các trường mầm non trên địa bàn huyện Tam Nông; phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong nhà trường theo quy định; số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình GDMN; có phối hợp Ban đại diện Cha mẹ trẻ em thường xuyên kiểm tra công tác chế biến, tiếp phẩm, giờ ăn của nhằm bảo đảm chất lượng bữa ăn và ATTP. Thực hiện tốt khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ và kết hợp tổ chức các hoạt động thể lực cho trẻ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và Tiểu học.

- Thường xuyên giáo dục trẻ các kỹ năng sống, kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế.

- Nhà trường thực hiện công tác tuyên truyền và phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động phù hợp đối với trẻ để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì; đa dạng các hình thức tuyên truyền đến cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần để phòng chống dịch bệnh.

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì và chỉ đạo cho y tế trường học và giáo viên lớp thường xuyên theo dõi trẻ để có chế độ ăn, tập luyện hợp lý nhằm giúp trẻ phát triển bình thường.

- Đến thời điểm hiện tại tổng số trẻ được khám sức khỏe 432/432 trẻ, trong đó:

- + Trẻ SDD nhẹ cân: 0/432, tỉ lệ 0%

- + Trẻ SDD thấp còi: 0/432, tỉ lệ 0%

- + Trẻ thừa cân, béo phì: 04/432, tỉ lệ 0,92%

- Nhà trường trường trung tâm y tế kiểm tra việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, kết quả trường thực hiện tốt.

- Ngoài ra nhà trường còn phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền cha mẹ trẻ tự nguyện cho trẻ tiêm ngừa vacxin phòng ngừa các dịch bệnh và uống vacxin theo qui định.

9. Đổi mới hoạt động giáo dục

- Nhà trường có xây dựng kế hoạch thực hiện Chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và chủ động, linh hoạt, sáng tạo gắn kết các tiêu chí của Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021 - 2025” trong thực hiện chủ đề.

- Có xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình thực tế và phát triển Chương trình GDMN nhà trường trên cơ sở Chương trình do Bộ GDĐT ban hành nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có chủ động phối hợp, liên kết với các tổ chức, cá nhân và gia đình của trẻ theo quy định.
- Thực hiện các giải pháp bảo đảm chất lượng giáo dục công bằng, hoà nhập, quan tâm trẻ cá biệt, có hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm các chế độ chính sách cho trẻ kịp thời.
- Có xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với gia đình, các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; tổ chức các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp Một như cho trẻ tham quan trường tiểu học,...đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Duy trì và thực hiện có hiệu quả Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong nhà trường gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia tăng trưởng xanh của Bộ GDĐT.
- Tham gia tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của đội ngũ CBQL, GVMN về tầm quan trọng, ý thức bảo vệ quyền của trẻ em; tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác và của trẻ em, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em trong nhà trường.
- Thực hiện phối hợp với Công ty Giáo dục kiến tạo Anh Việt tham mưu quản lí, đảm bảo chất lượng triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh trong các trường mầm non theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Bộ GDĐT đã ban hành.
- Trẻ được đánh giá đạt 120 chỉ số theo bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi 173/173, tỷ lệ 100%.
- Trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGDMN là: 173/173 trẻ đạt tỉ lệ 100%.(tính số liệu trẻ trong và ngoài địa bàn)
- Trẻ chuyên cần 0-5 tuổi: 426/432 đạt tỉ lệ 98,61%, riêng trẻ 5 tuổi 172/173 tỷ lệ 99,42%
- Tổng trẻ được khen thưởng hoàn thành xuất sắc năm học 2023 - 2024 là 27 trẻ.
- Tổng trẻ được khen thưởng chăm ngoan, học giỏi năm học 2023 - 2024 là 96 trẻ.
- Hỗ trợ bồi dưỡng 04 giáo viên tham gia tốt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt 02/4 giáo viên, tỷ lệ 50%.
- Tổ chức tốt Hội thi của bé cấp cơ sở. Tham gia tốt Hội thi của bé cấp huyện đạt kết quả: Bé vui giao thông đạt giải KK; Bé khéo tay 3 thể loại vẽ, nặn, xe dán đạt giải khuyến khích.

TT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số trẻ em	289
	Tổng số nhóm, lớp	9
	Số trẻ em tính bình quân/nhóm	32,11
2	Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có)	54
3	Học 2 buổi/ngày	84
4	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	205
5	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	- Tổng số trẻ: 289 - Kết quả: BT: 288 trẻ, Béo phì: 01 - Tỷ lệ suy dinh dưỡng trong trường học: 0
6	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;	135/135
7	Số trẻ em khuyết tật	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo
I	NGUỒN KINH PHÍ		
1	Ngân sách Nhà nước	3.315.702.000	3.319.819.550
2	Học phí, lệ phí từ người học	242.000.000	30.952.500
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	0	0

II	LOẠI HOẠT ĐỘNG		
1	Giáo dục đào tạo	X	X
2	Khoa học công nghệ		
3	Hoạt động khác		

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024 (thời điểm 30/9/2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo
	Tổng cộng	3.265.565.658	4.416.068.011
I	Chi lương, thu nhập	2.470.765.248	3.113.502.070
1	Chi lương, phụ cấp lương, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất lương	2.470.765.248	3.113.502.070
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	723.979.807	1.179.520.941
1	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	85.500.000	0
	Tiền thưởng (khen thưởng học sinh)	21.560.000	0
1	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	57.685.379	80.464.082
2	Vật tư văn phòng	56.243.675	60.639.400
3	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.728.774	4.980.000
	Hội nghị		
4	Công tác phí	20.900.000	29.200.000
5	Chi phí thuê mướn	750.000	135.777.500
6	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	273.560.423	366.814.800
7	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	44.930.000	88.660.000
8	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	159.121.556	412.985.159
III	Chi hỗ trợ người học	7.537.500	89.085.000
1	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học (Tiền ăn trưa và hỗ trợ học phí)	6.400.000	78.085.000

	cho trẻ theo Nghị quyết 32/2023/NQ-HĐND)		
2	Chi khác (Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ)	1.137.500	3.000.000
3	Chi phí thuê mướn (Thuê đào tạo lại cán bộ)	0	8.000.000
IV	Chi khác	63.283.103	33.960.000
1	Chi khác	63.283.103	33.960.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển

TT	Nội dung	Năm học 2023 – 2024		Năm học 2024 - 2025	
		Mức thu	Căn cứ	Dự kiến mức thu	Căn cứ
1	Học phí	35.000 đồng/trẻ/tháng	NQ số 04/2024/NQ-HĐND ngày 21/3/2024	35.000 đồng/trẻ/tháng (trừ trẻ mẫu giáo 5 tuổi)	NQ số 14/2024/NQ-HĐND ngày 07/10/2024
2	Tiền ăn bán trú	- Nhà trẻ: 22.000đ/trẻ/ngày - Mẫu giáo: 24.000đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/NQ-HĐND ngày 29/9/2022	- Nhà trẻ: 25.000đ/trẻ/ngày - Mẫu giáo: 25.000đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/NQ-HĐND ngày 29/9/2022
3	Quản lý thu và kiểm tra	800đ/trẻ/ngày	CV số 1683/SGDĐT-STC ngày 10/11/2022	1.000đ/trẻ/ngày	CV số 1683/SGDĐT-STC ngày 10/11/2022 ; CV số 1396/SGDĐT-KHTC ngày 26/8/2024
4	Mua đồ dùng thiết yếu	68.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ-HĐND ngày 29/9/2022	60.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ-HĐND ngày 29/9/2022
5	Quản lý chăm sóc trẻ buổi	6.200đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/NQ-	8.000đ/trẻ/ngày	NQ số 20/2022/N

	trưa		HĐND ngày 29/9/2022		Q-HĐND ngày 29/9/2022
6	Thuê người nấu ăn	40.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	64.000/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022
7	Tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo	95.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	95.000/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022
8	Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (Giáo dục thể chất - Earobic)	80.000đ/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/NQ- HĐND ngày 29/9/2022	90.000/trẻ/tháng	NQ số 20/2022/N Q-HĐND ngày 29/9/2022

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học

Nhà trường thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho học sinh theo nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Năm học 2023 - 2024:

+ Chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Học kỳ I nhà trường có 9 trẻ được miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập; 8 trẻ được giảm 50% học phí, tổng số kinh phí thực hiện 6.660.000 đồng; Học kỳ II có 05 trẻ được miễn học phí, 03 trẻ được giảm 50% học phí, tổng số kinh phí thực hiện 4.625.000 đồng.

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi: Nhà trường có 25 trẻ được hỗ trợ tiền ăn trưa, tổng số kinh phí thực hiện 17.280.000 đồng

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không.

5. Các nội dung công khai tài chính khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Việc triển khai thực hiện các chuyên đề trong năm học

- Thực hiện phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế, nhóm lớp, bối cảnh địa phương và khả năng của trẻ.

- Giáo viên trong lớp lồng ghép nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào trong các hoạt động cho phù hợp.

- Tất cả trẻ được giáo dục lễ giáo và giáo dục kỹ năng sống ở mọi lúc, mọi nơi.

- Giáo viên trong lớp thực hiện tốt lồng ghép nội dung quyền con người, quyền trẻ em vào trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Giáo viên trong lớp lồng ghép nội dung “Xây dựng trường mầm non xanh-an toàn- thân thiện” và quá trình nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Giáo viên thực hiện tốt lồng ghép Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”, STEM, STEAM vào trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

- Giáo viên trong lớp thực hiện tốt chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc” và tiên tiến xây dựng lớp học hạnh phúc phù hợp với điều kiện nhóm lớp và quá trình nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Giáo viên thực hiện tốt các chuyên đề “Lấy trẻ làm trung tâm trong giai đoạn 2022 - 2025” Thực hiện tốt kế hoạch chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm của nhà trường năm học 2024 - 2025. Tạo mọi trường mở cho trẻ tham gia trải nghiệm khám phá, lồng ghép nội dung, tiêu chí xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm vào các hoạt động hàng ngày, phối hợp với cha mẹ trẻ chuẩn bị các nguyên vật liệu mở, phù hợp với trẻ để cho trẻ vui chơi trải nghiệm, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tổ chức các buổi hoạt động trải nghiệm cuối chủ đề cho trẻ được giao lưu cùng với các bạn.

- Giáo viên lồng ghép xây dựng và tổ chức các hoạt động ứng phó khẩn cấp với thiên tai, dịch bệnh phù hợp với tình hình thực tế điều kiện kinh tế của địa phương của nhà trường, của gia đình trẻ, của lớp và của trẻ.

- Giáo viên thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non.

- Giáo viên thực hiện xây dựng kế hoạch, đánh giá trẻ theo Mục tiêu phát triển của trẻ theo từng chủ đề, phòng chống tai nạn thương tích vào kế hoạch hàng ngày theo thực tế của lớp.

- Phối hợp với cha mẹ trẻ cho trẻ làm quen tiếng Anh và phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam (Đại trường Phát) tổ chức.

- Tổ chức Hội thi của bé cấp cơ sở và hỗ trợ trẻ tham gia Hội thi của bé các cấp.

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở.

- Tổ chức tạo môi trường bên trong, bên ngoài lớp học theo hướng tiếp cận STEM, lấy trẻ làm trung tâm.

2. Công tác phát triển đảng trong nhà trường

- Trong năm học 2023 - 2024 giới thiệu chi bộ kết nạp được 06 giáo viên vào hàng ngũ của Đảng.

- Trong năm học 2024 -2025 tiếp tục bồi dưỡng giới thiệu giáo viên, nhân viên có đủ điều kiện tham gia vào hàng ngũ của Đảng. Hiện tại có 02 giáo viên(trong đó 01 GV, 01 NV) chuẩn bị tham gia học lớp cảm tình Đảng.

3. Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tỉnh

Hỗ trợ bồi dưỡng 04 giáo viên tham gia tốt Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt 02/04 giáo viên, tỷ lệ 50%.

4. Có sáng kiến của cán bộ quản lý, giáo viên đạt cấp cơ sở trở lên

Trong năm học 2023 - 2024 có 04 sáng kiến được công nhận tại Quyết định số 697/QĐ-UBND-KT ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến huyện Tam Nông trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo năm 2024;

5. Công tác tổ chức - cán bộ

- Phân công, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng nhằm tăng cường năng lực.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức, người lao động.

6. Công tác kế hoạch - tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện

- Nhà trường có xây dựng Kế hoạch số 248/KH-MNPTA ngày 29/10/2024 của Trường mầm non Phú Thành A về việc thực hiện công khai các hoạt động của Trường mầm non Phú Thành A theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024; Kế hoạch số 206/KH-MNPTA ngày 16/9/2024 của Trường mầm non Phú Thành A về quản lý tài chính, tài sản năm học 2024 - 2025;

- Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai.

7. Kết quả thực hiện chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục

- Đơn vị đã cập nhật, bổ sung thông tin về trường lớp, đội ngũ, trẻ trên cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống quản lý vn.edu; triển khai thực hiện hồ sơ điện tử;

- Quán triệt, tuyên truyền các nội dung về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, luật an ninh mạng, các văn bản hướng dẫn về sử dụng mạng an toàn, đảm bảo an ninh, an toàn trong dạy học trực tuyến...

- Tăng cường các điều kiện vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số như máy tính, mạng internet có dây và không dây, các phần mềm ứng dụng trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ.

8. Công tác kiểm tra nội bộ

- Công tác kiểm tra: Căn cứ Hướng dẫn số 390/HD-PGDĐT ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông về việc hướng dẫn công

tác kiểm tra nội bộ từ năm học 2021-2022;

- Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ đúng quy định:
 - + Kiểm tra hoạt động nhân viên văn thư: 02 lần/năm
 - + Kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại tố cáo: 02 lần/năm.
 - + Kiểm tra hoạt động nhân viên bảo vệ: 02 lần/năm.
 - + Kiểm tra hoạt động các tổ chuyên môn: 02 lần/năm.
 - + Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo viên (CĐ): 8/21
 - + Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (HĐSPNG): 10/21
 - + Kiểm tra hồ sơ sổ sách: 21 lượt
 - + Kiểm tra công tác công khai: 02 lần/năm.
 - + Kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ: 02 lần/năm.
 - + Kiểm tra các quy định đảm bảo an toàn trường học: 02 lần/năm.
 - + Kiểm tra hoạt động nhân viên nấu ăn: 04 lần/năm.
 - + Kiểm tra hoạt động tổ văn phòng: 02 lần/năm.
 - + Kiểm tra công tác tài chính, tài sản: 02 lần/năm.
- Các cuộc kiểm tra đạt tỉ lệ 100%.

9. Công tác thi đua - khen thưởng

- Phát động và thực hiện các phong trào thi đua trong năm học gắn với các chủ điểm. Tổng kết, khen thưởng kịp thời cá nhân, tập thể đạt thành tích, tạo sự động viên, khích lệ đối với đội ngũ và trẻ.

- Năm học 2023 - 2024 danh hiệu Lao động tiên tiến 26 viên chức và người lao động, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 06 viên chức; tập thể Lao động tiên tiến.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2024 của Trường mầm non Phú Thành A./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- CBQL, GV, NV;
- Hồ sơ công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Hồng